

Số: 1732/QĐ-UBND



Nam Định, ngày 01 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường,  
tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Quy hoạch Đô thị ngày 17/06/2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/05/2015 của Chính phủ về Quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ của đồ án và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2016 của Bộ nông nghiệp và PTNT về Hướng dẫn thực hiện tiêu chí huyện đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2016 – 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 10/7/2017 của HĐND tỉnh Nam Định thông qua Quy hoạch vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 2701/QĐ-UBND ngày 31/12/2014 của UBND tỉnh Nam Định về phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định phê duyệt số 587/QĐ-UBND ngày 24/3/2017 của UBND tỉnh Nam Định về việc phê duyệt nhiệm vụ và dự toán Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Xét đề nghị tại Tờ trình số 56 /TTr-UBND ngày 31/5/2017 của UBND huyện Xuân Trường, Tờ trình số 76/TTr-SXD ngày 24/7/2017 của Sở Xây dựng,

**QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với nội dung sau:

## **1. Vị trí, phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn quy hoạch**

### **1.1. Vị trí, phạm vi ranh giới**

Phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch gồm toàn địa giới hành chính huyện Xuân Trường, bao gồm 20 đơn vị hành chính trực thuộc, gồm 1 Thị trấn: Xuân Trường và 19 xã: Xuân Châu, Xuân Hồng, Xuân Thanh, Xuân Thượng, Xuân Phong, Xuân Đài, Xuân Tân, Xuân Thủy, Xuân Ngọc, Xuân Bắc, Xuân Phương, Thọ Nghiệp, Xuân Phú, Xuân Trung, Xuân Vinh, Xuân Kiên, Xuân Tiến, Xuân Ninh, Xuân Hòa, giới hạn bởi:

- + Phía Bắc giáp tỉnh Thái Bình;
- + Phía Nam giáp huyện Hải Hậu và huyện Giao Thủy;
- + Phía Tây giáp huyện Trực Ninh;
- + Phía Đông giáp huyện Giao Thủy và tỉnh Thái Bình.

### **1.2. Quy mô diện tích**

- Gồm toàn bộ diện tích tự nhiên huyện Xuân Trường: 116,09 km<sup>2</sup>

### **1.3. Thời hạn quy hoạch**

- Ngắn hạn đến năm 2020; dài hạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050.

## **2. Tính chất vùng huyện**

- Là một trong những trung tâm văn hóa, xã hội – kinh tế thuộc tỉnh Nam Định;
- Phát triển về công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và thương mại dịch vụ
- Đầu mối giao thông quan trọng phía Đông Nam của tỉnh Nam Định kết nối với các vùng lân cận.

## **3. Các chỉ tiêu dự báo phát triển vùng**

### **3.1. Dự báo tăng trưởng kinh tế**

- Phân đầu tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất bình quân thời kỳ 2015 - 2020 đạt trên 10%/năm. Trong giai đoạn 2021-2030 tăng bình quân 12%/năm, giá trị sản xuất bình quân đầu người đạt khoảng 360 triệu đồng.

- Chuyển dịch mạnh cơ cấu kinh tế

+ Đến năm 2020: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 60% - 28% - 12%

+ Đến năm 2030: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 65% - 25% - 10%

+ Đến năm 2050: cơ cấu kinh tế gồm công nghiệp và xây dựng - dịch vụ - nông lâm thủy sản tương ứng là 55% - 40% - 5%.

### **3.2. Dự báo phát triển dân số, lao động**

- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2016-2020 là 1,2%.
- Tốc độ tăng dân số trung bình giai đoạn 2021-2030 là 1,5%.
- Dân số năm hiện trạng (2015): 167.015 người. Dân số năm 2020: 177.000 người, năm 2030 là 209.000 người
- Lao động: Dự kiến nguồn lao động chiếm 65% dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt trên 70%.

### **3.3. Dự báo sử dụng đất**

#### **3.3.1. Quan điểm chung**

Dành quỹ đất hợp lý để phát triển khu, cụm công nghiệp, các làng nghề truyền thống, phát triển các đô thị, các thị trấn. Đặc biệt là quỹ đất cho phát triển cơ sở hạ tầng kỹ thuật, đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững lâu dài.

Phân bổ, sử dụng diện tích đất trồng lúa phù hợp theo từng giai đoạn phát triển đảm bảo an ninh lương thực. Khai thác sử dụng đất phải đi đôi bảo vệ môi trường, đảm bảo môi trường ổn định và bền vững, kết hợp giữa trước mắt và lâu dài, phù hợp với chiến lược công nghiệp hoá, hiện đại hoá của đất nước.

#### **3.3.2. Dự báo quy hoạch sử dụng đất**

##### **Định hướng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020**

| <b>Loại đất</b>         | <b>Diện tích</b> | <b>Tỷ lệ</b> |
|-------------------------|------------------|--------------|
| Tổng diện tích tự nhiên | 11.609,4         | 100          |
| Đất nông nghiệp         | 6.370,08         | 54,86        |
| Đất phi nông nghiệp     | 5.207,49         | 44,86        |
| Đất chưa sử dụng        | 31,83            | 0,28         |

#### **- Năm 2020:**

- + Đất đô thị, nông thôn toàn huyện khoảng: 4.984ha.
- + Đất đô thị khoảng 1.837ha (bao gồm TT.Xuân Trường và đô thị Xuân Ninh). Trong đó, đất dân dụng khoảng 203,5ha, chỉ tiêu khoảng 85 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất nông thôn khoảng 3.147 ha.

#### **- Năm 2030:**

- + Đất đô thị, nông thôn toàn Huyện khoảng: 6.328 ha.
- + Đất đô thị khoảng 3.028ha (bao gồm TT.Xuân Trường, Đô thị Xuân Ninh và Đô thị Xuân Hồng). Trong đó, đất dân dụng khoảng 467 ha, chỉ tiêu khoảng 90 m<sup>2</sup>/người.
- + Đất nông thôn khoảng 3.300 ha.

### **3.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật**

Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong đồ án quy hoạch đảm bảo đáp ứng các quy định theo quy chuẩn quy hoạch xây dựng

Việt Nam 01:2008/BXD ban hành kèm theo Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03/4/2008 của Bộ Xây dựng.

#### **4. Định hướng phát triển tổng thể không gian vùng**

Trên cơ sở điều kiện tự nhiên, hiện trạng, tổ chức tổng thể không gian vùng huyện theo mô hình phát triển đa cực. Trong đó lấy các đô thị trung tâm và vùng phát triển kinh tế làm hạt nhân phát triển không gian vùng, từ đó phát triển ra các khu vực xung quanh.

Vùng huyện Xuân Trường phân làm 4 tiểu vùng phát triển không gian:

+ Không gian vùng phía Bắc huyện: Lấy Đô thị Xuân Hồng làm hạt nhân, phát triển ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục TL489, trục HL50 và các đường trục xã).

+ Không gian vùng trung tâm huyện: Lấy TT.Huyện lỵ Xuân Trường làm hạt nhân, phát triển ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục TL489, TL489C và các trục huyện lộ).

+ Không gian vùng phía Nam huyện: Lấy Đô thị Xuân Ninh làm hạt nhân, phát triển ra xung quanh thông qua các trục đường chính (trục QL21, trục HL Xuân Bảng – Ngã tư Hải Hậu và các đường trục xã).

+ Không gian vùng phía Đông huyện: Lấy Đô thị Xuân Đài làm hạt nhân, phát triển ra xung quanh thông qua các trục đường chính (HL50, HL Bắc Phong Đài).

Bốn tiểu vùng trên kết nối với nhau bởi trục hành lang phát triển dọc các tuyến TL489, TL489C.

#### **5. Định hướng phát triển các đô thị và điểm dân cư nông thôn**

##### **5.1. Định hướng phát triển các đô thị**

- Dự báo tỷ lệ đô thị hóa trên địa bàn huyện đến năm 2030 đạt 25%.
- Giai đoạn đến năm 2020: 2 đô thị loại V (TT. Xuân Trường, Đô thị Xuân Ninh), trong đó 1 đô thị được thành lập mới (Đô thị Xuân Ninh).
- Giai đoạn 2021-2030: 3 đô thị loại V (TT.Xuân Trường, Đô thị Xuân Ninh, Đô thị Xuân Hồng), trong đó 1 đô thị được thành lập mới (Đô thị Xuân Hồng).
- Tầm nhìn đến năm 2050: 4 đô thị, trong đó nâng cấp TT. Xuân Trường lên đô thị loại IV và thành lập mới Đô thị Xuân Đài (đô thị loại V).

##### **5.2. Định hướng phát triển điểm dân cư nông thôn**

Thu hẹp dần độ chênh lệch về mọi mặt giữa các vùng đô thị và nông thôn. Phấn đấu có 100% số xã, thị trấn và huyện Xuân Trường đạt chuẩn NTM trong năm 2017, tiến tới xây dựng NTM bền vững và phát triển.

- Tiếp tục xây dựng nông thôn mới bền vững, nâng cao chất lượng 19 tiêu chí xã và 9 tiêu chí huyện nông thôn mới theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá, giữ gìn bản sắc văn hoá truyền thống.

- Quy hoạch và định hướng phát triển các ngành TTCN, làng nghề theo hướng bền vững, đảm bảo vệ sinh môi trường gắn kết với phát triển các dịch vụ du lịch làng nghề.

## **6. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực chủ yếu**

### **6.1. Định hướng phát triển nông – lâm – thủy sản**

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa với tỷ trọng cao các sản phẩm chất lượng cao thông qua việc thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới; Phần đầu đến năm 2030 đảm bảo ngành nông nghiệp của huyện phát triển bền vững trên cả 3 khía cạnh: Kinh tế - xã hội – môi trường.

- Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nông nghiệp sinh thái và nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

- Khai thác hiệu quả các tiềm năng đất đai, lao động, đảm bảo an ninh lương thực, an ninh dinh dưỡng; tăng nhanh khối lượng, chất lượng, giá trị gia tăng của sản phẩm nông sản, thực phẩm hàng hóa.

### **6.2. Phân bố không gian phát triển công nghiệp**

- Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp – xây dựng, đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động trong nông thôn.

- Phát triển các ngành nghề: chế biến nông thủy sản, dệt may, da giày, cơ khí đóng tàu, sản xuất vật liệu xây dựng. Cùng cố và phát triển các làng nghề hiện có.

#### **\* Khu công nghiệp:**

- Đến năm 2030, tập trung xây dựng khu công nghiệp Xuân Kiên với quy mô 200ha.

- Định hướng đến năm 2030 mở rộng CCN Thượng Thành thành khu công nghiệp Thượng Thành với quy mô 200ha

#### **\* Cụm công nghiệp**

Cập nhật theo quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nam Định đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2025 được UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tại quyết định số 630/QĐ-UBND ngày 04/4/2017. Cụ thể, toàn huyện có 7 CCN: CCN Xuân Tiến, CCN Huyện lỵ Xuân Trường, CCN Xuân Bắc, CCN Xuân Tân, CCN đóng tàu TT. Xuân Trường, CCN Nam Điền, CCN Thượng Thành với tổng diện tích 158,11 ha.

### **6.3. Thương mại, dịch vụ**

- Phát triển các loại hình dịch vụ tài chính, ngân hàng, xuất nhập khẩu,... phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh. Phát triển xuất khẩu, chú trọng đầu tư gia tăng sản phẩm chế biến, chế tạo, sản phẩm có công nghệ hiện đại.

- Đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng của các ngành du lịch, dịch vụ và khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia phát triển ngành dịch vụ.

## **7. Định hướng hệ thống các lĩnh vực, công trình hạ tầng xã hội**

### **7.1. Hệ thống công trình giáo dục đào tạo**

Đến năm 2020, 100% các cơ sở giáo dục đảm bảo diện tích đất theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

### **7.2. Hệ thống công trình y tế, bảo vệ sức khỏe**

- Nâng cao năng lực quản lý, thực hiện có hiệu quả các chương trình mục tiêu Quốc gia, các chương trình, mục tiêu của tỉnh;

- Xã hội hoá công tác y tế: Tăng cường công tác quản lý các cấp trong việc thực hiện các Chương trình mục tiêu Quốc gia, chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân địa phương. Có sự tham gia của các ban, ngành, đoàn thể trong việc phối hợp với ngành y tế thực hiện kế hoạch. Huy động sự tham gia của cộng đồng và các tổ chức xã hội trong các hoạt động chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

### **7.3. Văn hóa – Thể thao**

- Trong năm 2017, 100% xã, thị trấn có khu văn hoá – thể thao đạt chuẩn NTM; 100% khu dân cư xây dựng Nhà văn hoá – khu thể thao xóm, diện tích tối thiểu 500m<sup>2</sup>.

## **8. Định hướng phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật**

### **8.1. Định hướng phát triển giao thông**

#### **8.1.1. Giao thông đường bộ**

- Quốc lộ: Quốc lộ 21 quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng.

- Tỉnh lộ: Các tuyến tỉnh lộ 489, 489C quy hoạch đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp III đồng bằng, đoạn qua thị trấn đã đảm bảo theo quy hoạch của thị trấn, quy mô B nền = 32m.

- Huyện lộ:

+ 5 tuyến Huyện lộ hiện có: Huyện lộ Xuân Thủy – Nam Điền, Huyện lộ 50, Huyện lộ Trung Linh – Phú Nhai, Huyện lộ Xuân Bảng – Ngã tư Hải Hậu, Huyện lộ từ cổng Đầm Sen đi CCN Xuân Tiến quy hoạch đảm bảo đường cấp IV đồng bằng. Tuyến Huyện lộ Xuân Bảng – Ngã tư Hải Hậu: đoạn từ dốc Xuân Bảng đến địa phận xã Xuân Ninh là đường đô thị quy hoạch với quy mô đường 14m (1m+9m+4m). Tuyến Huyện lộ từ cổng Đầm Sen đi CCN Xuân Tiến: trùng với TL489C mới.

+ 4 tuyến Huyện lộ quy hoạch mới: Huyện lộ Bắc Phong Đài, Huyện lộ từ đê sông Sò đến ngã 3 TL489C mới, Huyện lộ Đài Phú, Huyện lộ kéo dài từ tuyến đường trục xã Thọ Nghiệp lên đường trục xã Xuân Phong kết nối với HL50 đảm bảo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng.

#### 8.1.2. Giao thông đường thủy

- Chinh trị, nạo vét, kiên cố hóa đảm bảo phục vụ nước tưới tiêu và các tiêu chí NTM đã được phê duyệt.

- Cải tạo, nâng cấp các bến cảng, bến bốc xếp hàng hóa, bến phà trên địa bàn huyện.

- Đầu tư nâng cấp các bến khách ngang sông hiện có: cứng hóa mặt bến, đường lên xuống, lắp đặt đủ biển báo, xây dựng nhà chờ, bảng niêm yết giá vé...

#### 8.1.3. Đất giao thông tỉnh

- Quy hoạch mở rộng bến xe khách trung tâm huyện đạt tiêu chuẩn bến xe loại II với diện tích  $\geq 10.000 \text{ m}^2$ .

#### 8.2. Cấp nước

- Nguồn cấp nước: Kết hợp hình thức khai thác nước mặt gồm sông Hồng, sông Ninh Cơ và nước ngầm trong việc cung cấp nước trên địa bàn huyện.

**Bảng dự báo nhu cầu dùng nước**

| STT | Năm      | Nhu cầu dùng nước( $\text{m}^3/\text{ng.đ}$ ) |             | Tổng nhu cầu<br>( $\text{m}^3/\text{ng.đ}$ ) |
|-----|----------|-----------------------------------------------|-------------|----------------------------------------------|
|     |          | Sinh hoạt, dịch vụ, thất thoát, yêu cầu NM    | Công nghiệp |                                              |
| 1   | Năm 2020 | 22.390                                        | 14.500      | 36.890                                       |
| 2   | Năm 2030 | 26.560                                        | 23.000      | 49.560                                       |

#### 8.3. Cấp điện

Quy hoạch đến năm 2020 nhu cầu công suất điện trên địa bàn huyện là  $P_{\max} = 45\text{MW}$ , đến năm 2030  $P_{\max} = 96,4\text{MW}$ .

Cơ cấu tiêu thụ điện năng đến năm 2020 và giai đoạn 2021-2030, điện dùng cho quản lý tiêu dùng dân cư và điện cho công nghiệp xây dựng chiếm tỷ lệ lớn nhất. Nhu cầu điện thương phẩm đến năm 2020 là 186,4 triệu kWh, đến năm 2030 là 472,5 triệu kWh.

#### 8.4. Quy hoạch hệ thống thủy lợi

+ Đê kè: Hoàn thành các dự án nâng cấp các tuyến đê sông. Thường xuyên kiểm tra hệ các tuyến đê sông (sông Hồng, sông Ninh Cơ, sông Sò) để đảm bảo an toàn trong mọi điều kiện thời tiết.

+ Hệ thống các công trình thủy lợi:

- Tập trung xây dựng mới các công trình đầu mối tưới, tiêu: Cống số 7B, Cống Cát Xuyên, Cống An Phú, Cống Ngô Đồng, Cống Kẹo.

- Nạo vét, kiên cố hóa kênh mương đáp ứng yêu cầu tưới tiêu: kênh Tàu 1, kênh Tàu 2, kênh Nam Điền B, kênh Xuân Ninh 1, kênh Xuân Ninh 2, kênh Thanh Quan.

#### 8.5. Quy hoạch thoát nước, quản lý CTR và nghĩa trang

##### \* Thoát nước

- Khai thông dòng chảy, nâng cấp các cửa thoát nước.

+ Tiêu chuẩn nước thải sinh hoạt: 100% tiêu chuẩn cấp nước.

+ Tiêu chuẩn nước thải sản xuất, đất CN: 80% tiêu chuẩn cấp nước

**Bảng Dự báo tổng lượng nước thải**

| STT | Năm      | Nhu cầu thoát nước(m <sup>3</sup> /ng.đ) |             | Tổng nhu cầu(m <sup>3</sup> /ng.đ) |
|-----|----------|------------------------------------------|-------------|------------------------------------|
|     |          | Sinh hoạt, dịch vụ                       | Công nghiệp |                                    |
| 1   | Năm 2020 | 22.390                                   | 11.600      | 33.990                             |
| 2   | Năm 2030 | 26.560                                   | 18.400      | 44.960                             |

##### \* Quy hoạch khu xử lý chất thải rắn

+ Định hướng quy hoạch khu xử lý chất thải rắn huyện Xuân Trường tại xã Xuân Ninh, xử lý CTR cho toàn huyện Xuân Trường với quy mô 5 ha.

+ Trước mắt CTR nguy hại trên địa bàn huyện được thu gom, xử lý tại KCN Hoà Xá

+ Các CTR công nghiệp thông thường và các CTR y tế trên địa bàn huyện sẽ được xử lý tại KXL CTR Huyện Xuân Trường.

##### \* Nghĩa trang

Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn huyện được bố trí theo quy hoạch xây dựng đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn.

#### 9. Giải pháp quản lý và bảo vệ môi trường

Thực hiện các giải pháp quản lý, kiểm soát môi trường cụ thể trong từng giải pháp về tổ chức quản lý; bảo vệ môi trường nước ngầm; giải pháp bảo vệ môi trường đất; bảo vệ môi trường nước mặt; giải pháp bảo vệ môi trường không khí và giảm tiếng ồn; bảo vệ môi trường trong sản xuất nông nghiệp, công nghiệp.

Giám sát, xử lý các vi phạm gây ô nhiễm; đánh giá tác động môi trường và cam kết bảo vệ môi trường đối với từng dự án; tuyên truyền vận động, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường; áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ thích hợp trong các hoạt động bảo vệ môi trường.

Xây dựng quy chế quản lý bảo vệ môi trường và có biện pháp kiểm soát chặt chẽ ô nhiễm môi trường đối với các vùng bảo tồn, hạn chế phát triển; vùng dân cư đô thị và khu du lịch; vành đai xanh, hành lang xanh và hệ thống cây xanh công cộng; vùng nông thôn.

### 10. Các dự án ưu tiên đầu tư

#### Danh mục các dự án ưu tiên nghiên cứu đầu tư trong thời kỳ quy hoạch

| STT | TÊN DỰ ÁN                                                                                                                                                                                                                                                                                  |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1   | Quốc lộ 39B và cầu vượt sông Hồng                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 2   | Nâng cấp, mở rộng đường Bắc Phong Đài                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 3   | Chỉnh trang, nâng cấp khu lưu niệm cố Tổng bí thư Trường Chinh                                                                                                                                                                                                                             |
| 4   | Mở rộng CCN Xuân Tiến, xây dựng mới CCN Xuân Tân                                                                                                                                                                                                                                           |
| 5   | Khu thương mại dịch vụ hỗn hợp chân cầu Lạc Quân                                                                                                                                                                                                                                           |
| 6   | Hạ tầng khu công nghiệp Xuân Kiên                                                                                                                                                                                                                                                          |
| 7   | Đường huyện lộ từ cầu ngã ba 489C (Xuân Tiến) qua Xuân Hoà sang Hải Hậu                                                                                                                                                                                                                    |
| 8   | Đường huyện lộ từ ngã ba 489C (Xuân Tiến) đến sông Sò (cổng Nam Điền B – Xuân Vinh)                                                                                                                                                                                                        |
| 9   | Di dân, tái định cư vùng bãi sông Hồng, xã Xuân Tân                                                                                                                                                                                                                                        |
| 10  | Đầu tư các dự án phục vụ xây dựng NTM: Xây dựng hoàn thiện 2 nhà máy nước Xuân Ninh, Xuân Châu; nâng cấp hệ thống các chợ trên địa bàn huyện; nâng cấp hệ thống đường trục xã, thôn xóm, đường nội đồng theo tiêu chí xây dựng NTM; đầu tư nâng cấp hệ thống Trường học, y tế tuyến xã...; |
| 11  | Đầu tư phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao                                                                                                                                                                                                                                       |
| 12  | Xây mới cống Ngô Đồng, Kèo thay thế cống cũ xuống cấp.                                                                                                                                                                                                                                     |
| 13  | Nạo vét, kiên cố hoá mái kênh và hoàn thiện đường, các công trình trên một số tuyến kênh: Mã, Láng, Tàu, Kèo để ứng phó với biến đổi khí hậu.                                                                                                                                              |
| 14  | Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng NTTS tập trung: Xuân Vinh- Xuân Hòa, vùng chuyển đổi Xuân Thủy, vùng đầm sen Xuân Tân, vùng bãi Xuân Thành                                                                                                                                   |
| 15  | Cải tạo nâng cấp cơ sở hạ tầng kỹ thuật vùng trang trại tổng hợp tập trung: Xuân Tân, Xuân Thành, Xuân Hồng, Xuân Thủy                                                                                                                                                                     |

(Chi tiết nội dung theo Hồ sơ bản vẽ và thuyết minh tổng hợp kèm theo).

#### **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

##### 1. Ủy ban nhân dân huyện Xuân Trường:

- Công bố, công khai quy hoạch được phê duyệt; quản lý giám sát việc thực hiện quy hoạch xây dựng theo quy định;

- Thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật; tổ chức rà soát việc lập, điều chỉnh, phê duyệt các quy hoạch chung, phân khu, quy hoạch chi tiết, cụ thể hóa Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường, làm cơ sở triển khai các dự án đầu tư.

- Phối hợp chặt chẽ với các ngành chức năng liên quan đề xuất các giải pháp quản lý triển khai thực hiện quy hoạch; lập kế hoạch đầu tư xây dựng, huy động vốn đầu tư để thực hiện các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình và quản lý xây dựng theo đồ án quy hoạch được phê duyệt.

2. Giao các Sở, ban, ngành của tỉnh các đơn vị liên quan: Theo chức năng nhiệm vụ tổ chức thực hiện Quy hoạch xây dựng vùng huyện Xuân Trường được duyệt tại điều 1 theo quy định. Tham mưu cho UBND tỉnh chỉ đạo tổ chức thực hiện thuộc lĩnh vực của đơn vị.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh;  
Chủ tịch UBND huyện Xuân Trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu  
trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: Vp1, Vp3, Vp5.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH THƯỜNG TRỰC**



**Ngô Gia Tự**